

Bản án số: 53/2021/HS-PT  
Ngày: 19 - 10 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Hai.

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ

Ông Lâm Thuận Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh A G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A G tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 126/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Lê M N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Họ tên: Lê M N, sinh năm 1985, tại huyện C M, tỉnh A G; nơi cư trú: Ấp Mỹ Tân, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê M C (chết) và bà Bùi T N, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ con; có 02 anh em, bị cáo thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/12/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Phan V Đ – Văn phòng luật sư Trần Ngọc Phước thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A G (có mặt).

*Bị cáo không kháng cáo:*

Họ tên: Phan Q Q, sinh ngày 03/11/2003 tại huyện C T, tỉnh A G. Nơi cư trú: Số 1/1/15A, tổ 3, khóm Bình Long 3, phường M B, thành phố L X, tỉnh A G; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Q T, sinh năm 1975 và bà Huỳnh T B L, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ con; có 02 anh em, bị cáo thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2020 cho đến nay.

*Đại diện hợp pháp cho bị cáo Q:*

1. Ông Phan Q T, sinh năm 1983;
2. Bà Huỳnh T B L, sinh năm 1980.

Là cha mẹ bị cáo Q. Địa chỉ: Số 1/1/15A, tổ 3, khóm Bình Long 3, phường M B, thành phố L X, tỉnh A G.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:*

1. Ông Trần T B, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp Cẩn Đất, xã M T, huyện H Đ, tỉnh K G.
2. Ông Trần T K T, sinh năm 1995; Địa chỉ: 112/2, khóm Tây Huê 2, phường M H, thành phố L X, tỉnh A G.
3. Ông Nguyễn T T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh, xã M Đ, huyện C P, tỉnh A G.
4. Ông Nguyễn T T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh, xã M Đ, huyện C P, tỉnh A G.
5. Bà Võ T N N, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số 148/3, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, thành phố L X, tỉnh A G.
6. Bà Bùi N Á, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Nhĩ Vỹ, xã N V, huyện C L, tỉnh Đ T.
7. Ông Nguyễn V Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 81, ấp Xóm Đồng 1, xã Thới A H, huyện K S, tỉnh S T.

(Trong vụ án, người đại diện của bị cáo Q, người có quyền lợi liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị;

Bị cáo Q, người đại diện và những người có quyền lợi, Ng vụ liên quan đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2020, nhận được tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân Công an thành phố L X kiểm tra cơ sở karaoke Katina II tại số 61, hẻm 12, khóm Đông An 4, phường M X, thành phố L X. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện như sau:

Trong phòng 11 có Lê M N, Nguyễn V Đ. Trên bàn giữa phòng có 01 đĩa sành màu trắng, trên đĩa chứa chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu Gói 1). Trong học bàn có 01 gói nylon trong suốt có rãnh kẹp màu xanh bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng (niêm phong ký hiệu Gói 2); 02 nửa viên nén màu vàng (niêm phong ký hiệu Gói 3). Ng khai chất tinh thể màu trắng là ma túy kay, chất bột màu trắng là ma túy kay đã nghiền nát, 02 nửa viên nén màu vàng là thuốc lắc Ng mua của Ph Q Q là nhân viên của cơ sở karaoke Katina II để sử dụng nên lực lượng Công an lập biên bản, thu giữ vật chứng.

Trong phòng 12 có Phan N D, Nguyễn T T, Nguyễn T T, Võ T N N, Bùi N Á, Trần T K T. Trên bàn giữa phòng có 01 đĩa sành màu trắng, trên đĩa chứa chất bột màu trắng. D khai chất bột màu trắng là ma túy kay đã nghiền nát D mua của Phan Q Q để sử dụng nên lực lượng Công an lập biên bản, thu giữ vật chứng và niêm phong (01 hộp)

Toàn bộ vật chứng được thu giữ. Riêng các gói và hộp niêm phong gửi giám định.

Kết luận giám định số 241 ngày 10 tháng 10 năm 2020 và số 242 ngày 11 tháng 10 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A G, xác định:

- Gói 1: bên trong có 01 (một) gói nylon có rãnh kẹp viền màu đỏ chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M1) là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,3090gam.

- Gói 2: bên trong có 01 (một) gói nylon có rãnh kẹp viền màu xanh chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,3808gam.

- Gói 3: bên trong có 01 (một) gói nylon có rãnh kẹp viền màu đỏ chứa 02 (hai) phần viên nén màu vàng (ký hiệu M3) là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,2980gam.

- 01 (một) hộp niêm phong, bên trong có 01 (một) gói nylon có rãnh kẹp viền màu đỏ chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M) là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,0471gam.

Đến 11 tháng 12 năm 2020 Ng bị bắt tạm giam để điều tra, riêng Q bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do là người dưới 18 tuổi.

#### *Quá trình điều tra xác định:*

Bị cáo Phan Q Q là nhân viên phục vụ tại cơ sở Katina II. Từ tháng 8 năm 2020 đến ngày 13 tháng 9 năm 2020, bị cáo đã nhiều lần bán thuốc lắc (MDMA) và ma túy kay (Ketamine) cho những người đến hát karaoke tại cơ sở Kartina II như: Bị cáo Ng, Duy ... mỗi lần bán từ 01 đến 02 gói ma túy kay, giá từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng/gói; từ 01 đến 03 viên thuốc lắc, giá từ 300.000 đồng đến 350.000 đồng/viên.

Khi cần sử dụng thì thỏa thuận giá, số lượng ma túy rồi đợi trong phòng

hát karaoke. Sau đó, bị cáo Q nhắn tin mua ma túy từ Bùi Ngọc Thúy Hòa rồi bán lại kiếm lãi.

Khoảng 22 giờ ngày 12 tháng 9 năm 2020, Phan N D, Nguyễn T T, Nguyễn T T, Võ T N N, Bùi N Á, Trần T K T thuê phòng số 12, tầng 3, cơ sở Katina II để hát karaoke. D gặp Q hỏi mua 01 gói ma túy kay, 03 viên thuốc lắc để sử dụng thì Q ra giá 2.050.000 đồng, D đồng ý và trả tiền. Sau đó, Q nhắn tin cho H đặt mua với giá 1.600.000 đồng, rồi giao cho D. Khoảng 45 phút sau, D mua thêm 01 gói ma túy kay với giá 1.000.000 đồng và nhờ Q nghiền nát, để ra đĩa rồi cùng sử dụng.

Tương tự, khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12 tháng 9 năm 2020, bị các Lê M N và anh Nguyễn V Đ đến thuê phòng số 11, tầng 3, cơ sở Katina II. Do bị cáo Ng là khách quen nên khi hỏi mua, bị cáo Q bán với giá 1.000.000 đồng cho 01 gói ma túy kay và 01 viên thuốc lắc (bằng giá mua của H). Khi bị cáo Q giao số ma túy thì bị cáo Ng kêu Đ trả cho bị cáo Q 1.500.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng tiền bo. Sau đó, bị cáo Ng nhờ anh Trần T B là nhân viên phục vụ vào nghiền nát ma túy để sử dụng thì lực lượng Công an kiểm tra phát hiện lập biên bản như đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKS, ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X, truy tố bị cáo Phan Q Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 251; bị cáo Lê M N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G đã quyết định:

Bị cáo Phan Q Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Bị cáo Lê M N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào: điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt

Bị cáo Phan Q Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tính từ bị cáo chấp hành hình phạt.

Bị cáo Lê M N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tính từ ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/6/2021, bị cáo Lê M N kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phan Q Q và người đại diện không kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu

quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Lê M N kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra vụ án bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm thì nhận tội, cho nên án sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự kết án bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo và nêu bản thân chưa có tiền án, tiền sự; phải nuôi mẹ già trong khi cha chết sớm; bị cáo là lao động chính. Thấy rằng, đây là tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm thêm mức hình phạt tù cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Thống nhất tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên, số lượng chất ma túy qua giám định chỉ vượt định lượng ít và khi xét xử sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo các tình tiết như: Nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính, phải nuôi mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt so với án sơ thẩm đã tuyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Lê M N kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; Lời khai này của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đầy đủ căn cứ xác định, do bị cáo nghiện chất ma túy nên đến gặp bị cáo Phan Q Q hỏi mua

để sử dụng. Qua giám định, xác định chất ma túy là Ketamine, khối lượng 0,6898 gam và ma túy đá (MDMA), khối lượng 0,2980 gam.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Lê M N đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ xét xử bị cáo về tội danh này theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo 02 năm tù là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt với lý do, bản thân là lao động chính, phải nuôi mẹ già; nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tình tiết này cấp sơ thẩm chưa xem xét nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo và quan điểm bào chữa của Luật sư; đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[6] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê M N.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L X về phần hình phạt.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê M N đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê M N 01(một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù

được tính kể từ ngày 11/12/2020.

Về án phí: Bị cáo Lê M N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh A G không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh A G (2);
- TAND sơ thẩm (2);
- Công an huyện (1);
- Cục THADS tỉnh A G (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Hai**

